

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2019

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trục;
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế xét xử công khai vụ án thụ lý số: 204/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2018 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 943/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Xóm N, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/4/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà với ông Trần Văn H quen biết nhau do cậu ruột của bà giới thiệu vì bà đã lớn tuổi. Sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 tháng thì đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 16/5/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng bà thuê nhà trọ để ở tại xóm M, xã X, thành phố V, tỉnh Nghệ An được thời gian khoảng 5 tháng. Khoảng thời gian từ tháng 10/2014 thì ông H bỏ về thành phố Huế cho đến nay, hoàn toàn không liên lạc gì với bà và không một lần trở lại thăm bà, bà có liên lạc qua điện thoại nhưng ông H

không nghe máy. Ông H đã bỏ bà đã hơn 4 năm nay, hoàn toàn không quan tâm gì đến bà. Thời gian vợ chồng chung sống thì cũng không hạnh phúc, tính tình không hợp nhau, do tính tình ông H nóng nảy, cục cằn. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xin ly hôn ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Trần Thị H trình bày không có.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị H trình bày không có.

Về nợ chung: Bà Trần Thị H trình bày không có.

* Phía bị đơn ông Trần Văn H: Quá trình làm việc Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Hưng đến để làm việc liên quan đến vụ án, nhưng ông H không đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không lấy được lời khai của ông H, cũng như công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị H, cho bà Trần Thị H được ly hôn ông Trần Văn H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung bà H xác định không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm bà H phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương ngày 10/9/2018 thì ông Trần Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 129 T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và đang sinh sống tại địa chỉ trên. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ 2 lần cho ông Trần Văn H nhưng ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H với ông Trần Văn H quen biết nhau do cậu ruột của bà H giới thiệu vì bà H đã lớn tuổi. Sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 tháng thì đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 16/5/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ để ở tại xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An được thời gian khoảng 5 tháng. Khoảng thời gian từ tháng 10/2014 thì

ông H bỏ về thành phố H cho đến nay hoàn toàn không liên lạc gì với bà H và không một lần trở lại thăm bà H, bà có liên lạc qua điện thoại nhưng ông H không nghe máy. Ông H đã bỏ bà H đã hơn 4 năm nay, hoàn toàn không quan tâm gì đến bà. Thời gian vợ chồng chung sống thì cũng không hạnh phúc, tính tình không hợp nhau. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn ông H để ổn định cuộc sống. Xét thấy sau thời gian ngắn tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân và chung sống với nhau thời gian ngắn thì ông H về thành phố H cho đến nay, không quan tâm gì đến bà H, nên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị H, cho bà Trần Thị H được ly hôn ông Trần Văn H là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Bà Trần Thị H xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà Trần Thị H xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Bà Trần Thị H xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H, cho bà Trần Thị H được ly hôn ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Bà Trần Thị H xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị H xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị H xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà Huyền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2013/004786 ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên bà Huyền không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND xã H, TP V, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dán án.

(Đã ký)

Trần Dũng